

Số: **13** /2025/NQ-HĐND

Hải Phòng, ngày **25** tháng **7** năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung và mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn thành phố Hải phòng

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 64/2024/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BTC;

Xét Tờ trình số 140/TTr-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về dự thảo Nghị quyết ban hành quy định nội dung và mức chi cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Báo cáo thẩm tra số 64/BC-KTNS ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nội dung và mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định chi tiết Điều 6 và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 64/2024/TT-BTC) về nội dung và mức chi cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

b) Những nội dung và mức chi hỗ trợ cho hoạt động khuyến công không quy định trong Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện

hành.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại xã, đặc khu và các phường được chuyển đổi từ xã chưa quá 05 năm, bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn).

b) Các cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn.

c) Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công.

Điều 2. Nội dung và mức chi cho các hoạt động khuyến công

1. Chi hỗ trợ thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nông thôn tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật, bao gồm: Hoàn thiện kế hoạch kinh doanh; dự án thành lập doanh nghiệp và chi phí liên quan đến đăng ký thành lập doanh nghiệp. Mức hỗ trợ 8 triệu đồng/doanh nghiệp.

2. Chi hỗ trợ xây dựng trình diễn kỹ thuật

a) Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới, bao gồm các chi phí: Xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ 30% chi phí nhưng không quá 800 triệu đồng/mô hình.

b) Chi hỗ trợ xây dựng mô hình đối với các cơ sở sản xuất đang hoạt động có hiệu quả cần phổ biến tuyên truyền, nhân rộng để các tổ chức, cá nhân khác học tập; bao gồm các chi phí: Hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ; hoàn thiện quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ 80 triệu đồng/mô hình.

3. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp cho các cơ sở sản xuất công nghiệp; bao gồm các chi phí: Thay thế nguyên, nhiên, vật liệu; đổi mới máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ; đào tạo nâng cao năng lực quản lý; đào tạo nâng cao trình độ tay nghề công nhân; tiêu thụ sản phẩm; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ; quy trình sản xuất phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ 30% chi phí nhưng không quá 300 triệu đồng/mô hình

4. Chi hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 250 triệu đồng/cơ sở. Trường hợp chi hỗ trợ dây chuyền công nghệ thì mức hỗ trợ không quá 375 triệu đồng/cơ sở (không quá 1,5 lần mức hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao

công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp).

5 Chi hỗ trợ tổ chức và tham gia hội chợ, triển lãm hàng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, làng nghề trong nước:

a) Hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng, chi thông tin tuyên truyền và chi hoạt động của Ban tổ chức theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt khi tổ chức hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ trên địa bàn thành phố.

b) Trường hợp các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm khác trong nước. Mức hỗ trợ 80% chi phí thuê gian hàng.

c) Hỗ trợ 100% chi phí tổ chức gian triển lãm sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu thành phố tại Hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn tiêu biểu trong nước.

6. Chi tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm cho các cơ sở công nghiệp nông thôn tại nước ngoài. Hỗ trợ 100% các khoản chi phí, bao gồm: Thuê mặt bằng, thiết kế, dàn dựng gian hàng; trang trí chung của khu vực Việt Nam (bao gồm cả gian hàng quốc gia nếu có); chi phí tổ chức khai mạc nếu là hội chợ triển lãm riêng của Việt Nam (giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng, thông tin tuyên truyền); chi phí tổ chức hội thảo, trình diễn sản phẩm (thuê hội trường, thiết bị, trang trí, khánh tiết); chi phí cho cán bộ tổ chức chương trình. Các khoản chi phí được xác định trên cơ sở giá đấu thầu hoặc trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7. Chi tham quan, khảo sát học tập kinh nghiệm:

a) Chi hỗ trợ cho các cơ sở công nghiệp nông thôn đi tham quan khảo sát, học tập kinh nghiệm tại nước ngoài. Mức hỗ trợ 100% chi phí vé máy bay cho các đối tượng được cử đi theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Đối với các đơn vị hành chính, sự nghiệp đi tham quan, khảo sát học tập kinh nghiệm ngoài nước theo quyết định của cấp có thẩm quyền. Mức chi áp dụng theo Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách Nhà nước đảm bảo kinh phí.

“b) Tham quan, khảo sát học tập kinh nghiệm trong nước: Các đơn vị hành chính, sự nghiệp; các tổ chức hoạt động liên quan đến phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề đi tham quan, khảo sát học tập kinh nghiệm trong nước được hỗ trợ 100% chi phí. Nội dung gồm: Thuê phương tiện hoặc chi phí tàu, xe, vé máy bay; thuê chỗ ở; phụ cấp lưu trú; tổ chức hội thảo, trao đổi kinh nghiệm và các chi phí khác. Mức chi theo cấp có thẩm quyền quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị sử dụng ngân sách địa phương.”

8. Chi tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp thành phố:

a) Chi công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện; tổ chức bình chọn; công bố, trao giấy chứng nhận. Mức chi 160 triệu đồng/lần bình chọn cấp thành phố;

b) Chi thưởng cho sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp thành phố bao gồm: Giấy chứng nhận, khung, kỉ niệm chương và tiền thưởng 4.000.000 đồng/sản phẩm đạt cấp thành phố.

9. Chi hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu đối với sản phẩm công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ 30 triệu đồng/nhãn hiệu.

10. Chi hỗ trợ thuê tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn trong các lĩnh vực: Lập dự án đầu tư, marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới. Mức hỗ trợ 50% chi phí nhưng không quá 30 triệu đồng/cơ sở.

11. Chi xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin ấn phẩm; tờ rơi, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng theo phương thức đấu thầu, trường hợp đặt hàng giao nhiệm vụ thực hiện theo đơn giá được cấp thẩm quyền phê duyệt.

12. Chi hỗ trợ thành lập các hiệp hội, hội ngành nghề công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Mức hỗ trợ 30% chi phí, nhưng không quá 50 triệu đồng/hội, hiệp hội cấp thành phố.

13. Chi hỗ trợ để hình thành cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp. Mức chi hỗ trợ 50% chi phí nhưng không quá 140 triệu đồng/cụm liên kết.

14. Chi hỗ trợ lãi suất vốn vay cho các cơ sở công nghiệp nông thôn gây ô nhiễm môi trường di dời vào các khu, cụm công nghiệp (hỗ trợ sau khi cơ sở công nghiệp nông thôn đã hoàn thành việc đầu tư): Mức hỗ trợ 50% lãi suất cho các khoản vay để đầu tư nhà, xưởng, máy móc thiết bị trong 02 năm đầu nhưng không quá 400 triệu đồng/cơ sở. Việc hỗ trợ lãi suất áp dụng đối với các khoản vay trung hạn và dài hạn bằng đồng Việt Nam trả nợ trước hoặc trong hạn, không áp dụng đối với các khoản vay đã quá thời hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng. Với lãi suất cho vay thấp nhất trong khung lãi suất áp dụng cho các khoản vay vốn đầu tư phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ hạn và cùng thời kỳ của Ngân hàng Đầu tư Việt Nam.

15. Chi hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý môi trường tại các cơ sở công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ 30% chi phí nhưng không quá 220 triệu đồng/cơ sở.

16. Chi hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý môi trường tại các cụm công nghiệp. Mức hỗ trợ 30% chi phí nhưng không quá 1.400 triệu đồng/cụm công nghiệp.

17. Chi hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp. Mức hỗ trợ 50% chi phí nhưng không quá 450 triệu đồng/cụm công nghiệp.

18. Chi hỗ trợ đầu tư xây dựng mới kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp; bao gồm: San lấp mặt bằng, đường giao thông nội bộ, hệ thống cấp nước, thoát nước trong cụm công nghiệp. Mức hỗ trợ 5.000 triệu đồng/cụm công nghiệp;

19. Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo

a) Chi đào tạo nâng cao tay nghề cho người lao động áp dụng theo quy định của cấp có thẩm quyền về chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

b) Chi đào tạo thợ giỏi, nghệ nhân tiêu thủ công nghiệp để duy trì, phát triển nghề và hình thành đội ngũ giảng viên phục vụ chương trình đào tạo nghề, nâng cao tay nghề, truyền nghề ở nông thôn. Mức chi theo hoá đơn, chứng từ hợp pháp và phù hợp với giá thị trường tại thời điểm thực hiện.

20. Chi thù lao cho Cộng tác viên khuyến công. Mức chi 1 triệu đồng/người/ tháng.

21. Chi hỗ trợ các Phòng trưng bày cho các cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp thành phố: Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý, dụng cụ trưng bày. Mức hỗ trợ 40 triệu đồng/phòng trưng bày.

22. Chi quản lý chương trình đề án khuyến công:

a) Sở Công Thương được sử dụng 1,5% kinh phí khuyến công do cấp có thẩm quyền giao hàng năm để hỗ trợ xây dựng các chương trình, đề án, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu: Thuê chuyên gia, lao động (nếu có); chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính, điện, nước; chi công tác phí, xăng dầu, thuê xe đi kiểm tra (nếu có); chi thẩm định xét chọn, nghiệm thu chương trình, đề án khuyến công; chi khác (nếu có). Nội dung và kinh phí do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Đối với tổ chức thực hiện hoạt động dịch vụ khuyến công. Đơn vị triển khai thực hiện đề án khuyến công được chi 3% dự toán đề án khuyến công để chi công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, chi khác.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Ngân sách cấp cho hoạt động khuyến công được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước của Sở Công Thương hàng năm.

2. Tài trợ và đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

3. Các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 5. Điều khoản thi hành

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Nghị quyết này được thay thế, sửa đổi, bổ sung thì áp dụng quy định theo văn bản mới.

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Khóa XVI, Kỳ họp thứ 29 thông qua ngày 25 tháng 7 năm 2025, có hiệu lực từ ngày 05 tháng 8 năm 2025.

2. Nghị quyết sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương (chưa hợp nhất)/.

Nơi nhận:

- UBND TP; Chính phủ (báo cáo);
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: Bộ Tài chính, Bộ Công Thương;
- Cục KTVBQPPL&XLVPHC - Bộ Tư pháp;
- TT TU, TT HĐND, UBND TP;
- Đoàn ĐBQH HP;
- UBMTTQVN TP;
- Các Ban của HĐND TP;
- Các đại biểu HĐND TP khóa XVI;
- Các VP: TU, ĐBQH và HĐND, UBND TP;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- Trung tâm Báo chí và Truyền thông thành phố HP;
- Công báo HP; Cổng TTĐT TP;
- Lưu: VT, HSKH.



CHỦ TỊCH

Lê Văn Hiệu